

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	(1) - (4)
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	(5) - (6)
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	(7) - (8)
CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC	(9)
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	(10)
cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016	(11) - (36)



CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thăng Long GTC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

MỤC LỤC

	Trang
1. Thông tin chung	
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[11] - [36]

Họ và tên:

- Bà Nguyễn Thị Nga
- Ông Phạm Quang Thanh
- Ông Nguyễn Thái Dũng
- Ông Lê Văn Tân
- Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Thành viên HĐQT
- Thành viên HĐQT
- Thành viên HĐQT
- Thành viên HĐQT (kể từ ngày)

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

- Ông Tạ Minh Hưng
- Ông Nguyễn Thái Dũng
- Ông Đỗ Văn Bình
- Bà Dương Thị Lâm

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016)
- Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016)
- Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016)
- Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 09/03/2016)

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

- Bà Trần Thị Ngọc
- Ông Bùi Trung Kiên
- Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh

Chức vụ:

- Trưởng ban (kể từ ngày 29/01/2016)
- Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016)
- Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thăng Long GTC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Nga | Chủ tịch HĐQT (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Phạm Quang Thanh | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Nguyễn Thái Dũng | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Lê Văn Tàn | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Bà Trần Thị Tuyết Nhung | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Tạ Minh Hùng | Tổng Giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Nguyễn Thái Dũng | Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Đỗ Văn Bình | Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Bà Dương Thị Lam | Phó Tổng giám đốc (kể từ ngày 09/03/2016) |

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| - Bà Trần Thị Ngân | Trưởng ban (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Ông Bùi Trung Kiên | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |
| - Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên (kể từ ngày 29/01/2016) |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội: 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển du lịch Sông Hồng: 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long: 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội;
- Chi nhánh Hải Dương: xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ MINH HÙNG

Số: 27 /2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thăng Long GTC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Thăng Long GTC, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



[Handwritten signature of Dương Thị Thảo]

Dương Thị Thảo
 Phó Tổng giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0162-2015-242-1

[Handwritten signature of Nguyễn Thị Huế]

Nguyễn Thị Huế
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2493-2015-242-1

I. Tài sản	111	21.244.000.000	21.244.000.000
1. Tài sản ngắn hạn	112	75.000.000.000	75.000.000.000
1.1. Tiền	120	5.275.220.000	5.275.220.000
1.2. Tài khoản phải thu	123	3.890.000.000	3.890.000.000
1.3. Hàng tồn kho	130	5.275.220.000	5.275.220.000
1.4. Tài khoản thanh toán	131	53	53
1.5. Thuế GTGT được khấu trừ	132	54	54
1.6. Các khoản phải thu khác	136	52	52
1.7. Các khoản phải thu khác (7)	137	52	52
1.8. Tài sản ngắn hạn khác	140	5,6	5,6
1.9. Các khoản phải thu dài hạn	141	141	141
1.10. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.082.045.787.843	1.149.638.982.928
II. Tài sản dài hạn	200	1.082.045.787.843	1.149.638.982.928
1. Các khoản phải thu dài hạn	210	586.374.382	586.374.382
1.1. Phải thu về hợp đồng khoán hàng	211	5,3	5,3
1.2. Phải thu về hợp đồng	216	5,5	5,5
1.3. Phải thu về hợp đồng khác	219	5,7	5,7
1.4. Các khoản phải thu dài hạn khác	210	(391.370.853)	(391.370.853)
2. Tài sản cố định	220	66.375.990.923	66.375.990.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	66.516.555.408	77.867.121.547
- Nguyên giá	222	99.037.737.593	102.694.785.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(33.121.182.189)	(22.187.663.857)
2. Tài sản cố định vô hình	227	363.246.514	3.322.420.499
- Nguyên giá	228	557.759.500	3.450.347.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(194.512.986)	(1.127.927.209)
III. Bất động sản đầu tư	310	51,0	51,0
- Nguyên giá	310	51,0	51,0
- Giá trị hao mòn lũy kế	310	(0)	(0)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	410	43.222.764.455	43.222.764.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	410	43.222.764.455	43.222.764.455
V. Đầu tư tài chính dài hạn	510	174.083.172.375	174.083.172.375
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên	510	174.083.172.375	174.083.172.375
VI. Tài sản dài hạn khác	610	7.221.215.532	7.221.215.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	610	7.221.215.532	7.221.215.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.315.001.801.702	1.315.001.801.702



CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01- DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/03/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.958.044.139	932.125.761.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	197.706.540.155 ✓	845.880.238.769 ✓
1. Tiền	111		21.847.400.315	728.765.328.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		175.859.139.840	117.114.910.160
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	9.000.000.000 ✓
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.092.450.615	75.489.221.301
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.165.121.837 ✓	66.487.334.894 ✓
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	972.582.980 ✓	8.429.551.267 ✓
3. Các khoản phải thu khác	136	5.5	1.306.745.798 ✓	572.335.140 ✓
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(4.352.000.000) ✓	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	78.954.158	339.660.005
1. Hàng tồn kho	141		78.954.158 ✓	339.660.005
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.080.099.211	1.416.641.828
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	566.608.260 ✓	905.641.310
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.468.226 ✓	3.977.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	507.022.725 ✓	507.022.725
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.082.045.757.563	1.147.638.802.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		586.374.382	960.115.309
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	391.370.663 ✓	391.370.663
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	586.374.382 ✓	568.744.646
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.7	(391.370.663) ✓	-
II. Tài sản cố định	220		66.879.800.923	87.004.548.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	66.516.555.409 ✓	77.682.127.827
- Nguyên giá	222		99.637.737.593	109.864.765.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.121.182.184)	(32.182.637.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	363.245.514 ✓	9.322.420.494
- Nguyên giá	228		557.769.800	9.460.343.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.524.286)	(137.923.266)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	67.754.853.113 ✓	55.246.986.037
- Nguyên giá	231		89.075.501.290	69.479.232.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.320.648.177)	(14.232.246.107)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.387.963.542	43.222.764.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	45.387.963.542 ✓	43.222.764.455
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	896.605.572.375	953.983.172.375
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		896.605.572.375 ✓	953.983.172.375
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.831.193.228	7.221.215.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	4.831.193.228 ✓	7.221.215.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.315.003.801.702	2.079.764.563.932

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

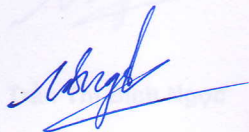
Mẫu số B 01- DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/03/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.804.190.687	851.742.676.282
I. Nợ ngắn hạn	310		78.706.442.957	831.899.893.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	27.506.666.931 ✓	14.163.026.172
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	32.301.000 ✓	259.119.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	292.214.573 ✓	592.749.050
4. Phải trả người lao động	314		1.179.713.949 ✓	842.158.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	49.500.000 ✓	575.167.499
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	481.542.932 ✓	1.104.537.128
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	47.202.475.420 ✓	769.201.541.219
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	42.291.291.690
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.962.028.152 ✓	2.870.302.952
II. Nợ dài hạn	330		15.097.747.730	19.842.782.570
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.13	-	6.591.200
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	9.989.429.382 ✓	11.144.818.022
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	5.108.318.348 ✓	8.691.373.348
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.221.199.611.015	1.228.021.887.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.221.199.611.015	1.228.021.887.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.228.000.000.000	1.228.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.887.650	21.887.650
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(6.822.276.635)	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.822.276.635)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.315.003.801.702	2.079.764.563.932

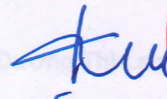
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Tổng giám đốc



Tạ Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

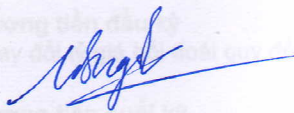
Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	150.693.271.584	31.832.482.177
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.693.271.584	31.832.482.177
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	132.007.223.689	27.062.765.013
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.686.047.895	4.769.717.164
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.958.343.725	733.849.077
6. Chi phí tài chính	22	6.4	960.867.582	552.264.193
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		959.945.301	521.004.734
7. Chi phí bán hàng	25	6.7	21.583.178.075	5.159.302.104
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.676.261.830	1.792.989.138
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.575.915.867)	(2.000.989.194)
10. Thu nhập khác	31	6.5	75.300.943	97.633.375
11. Chi phí khác	32	6.6	321.661.711	68.509.857
12. Lợi nhuận khác	40		(246.360.768)	29.123.518
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.822.276.635)	(1.971.865.676)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.822.276.635)	(1.971.865.676)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(55,56)	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Tổng giám đốc



Tạ Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.822.276.635)	(1.971.865.676)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.738.555.069	464.306.456
- Các khoản dự phòng	03		4.743.370.663	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(136.686.192)	45.494.420
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.121.190.564)	(625.380.996)
- Chi phí lãi vay	06		959.945.301	521.004.734
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(638.282.358)	(1.566.441.062)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37.024.650.517	(1.464.598.417)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		260.705.847	(167.251.208)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.157.112.029)	(4.104.800.836)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.729.055.354	(2.254.166.958)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(978.580.761)	(580.810.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.600.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(912.874.800)	(345.413.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.332.161.770	(10.483.482.322)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.826.123.926)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		73.227.272	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.1	57.377.600.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.047.963.292	625.380.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		72.672.666.638	625.380.996
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(715.000.000.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		28.443.515.256	18.211.115.032
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.734.806.946)	(10.488.033.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(757.291.291.690)	7.723.081.320
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(648.286.463.282)	(2.135.020.006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		845.880.238.769	848.060.753.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		112.764.668	(45.494.420)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>197.706.540.155</u>	<u>845.880.238.769</u>

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập

Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Dương Thị Lam

Tổng giám đốc



Tạ Minh Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.228.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ, đường sông; Kinh doanh các dịch vụ du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ, hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao, dịch vụ sauna, xoa bóp (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, công nghệ phẩm, điện máy, thực phẩm ăn uống, đại lý tiêu thụ hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh lương thực và chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, bách hóa, hàng may mặc, hàng nông sản, thực phẩm chế biến, rượu, thuốc lá, vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ cho xây dựng và các phương tiện vận tải công nghiệp, dân dụng; hóa chất và các vật tư về hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng;
- Kinh doanh dịch vụ kho vận, giao nhận, vận chuyển hàng hóa nội địa và kinh doanh quốc tế;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý bán cước vận tải hàng hóa cho các hãng tàu biển, hàng không trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng làm việc; dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Sản xuất, mua bán và thiết kế các loại bao bì bằng giấy nhựa, thiết kế trang trí và sản xuất đồ nội thất cho nhà ở và văn phòng;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo và dịch vụ xúc tiến thương mại;
- Tổ chức hội thảo, đào tạo chuyên ngành dịch vụ và thương mại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, cấp thoát nước và cơ sở hạ tầng trong ngành du lịch và ngoài ngành;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu du lịch, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, khách sạn (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô, xích lô, xe máy, xe đạp./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội: 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển du lịch Sông Hồng: 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long: 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội;
- Chi nhánh Hải Dương: xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ phải thu có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 18 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 năm
-------------------	--------

4.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định;
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

4.11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty sẽ bao gồm không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

5 Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	04/03/2016
Tiền mặt	446.847.117	1.310.123.161
Tiền gửi ngân hàng	21.400.553.198	727.455.205.448
- Tiền gửi VND	12.877.473.431	726.717.171.842
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	76.664.416	234.874.647
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	7.739.582.111	725.038.419.494
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Giảng Võ	-	99.795.375
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở giao dịch	-	15.576.648
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Sở giao dịch	5.061.226.904	507.807.455
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	820.698.223
- Tiền gửi USD	8.330.175.763	621.180.896
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	4.786.422	4.936.591
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	8.169.160.941	616.244.305
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	156.228.400	-
- Tiền EUR	192.904.004	116.852.710
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	192.904.004	116.852.710
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	175.859.139.840	117.114.910.160
Cộng	197.706.540.155	845.880.238.769

(*) là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		04/03/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2016		04/03/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên doanh	887.569.553.408	-	-	944.947.153.408
- Công ty Liên doanh Đại Chân Trời (1)	14.886.875.558	-	-	14.886.875.558
- Công ty Phát triển Du Lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (2)	138.872.390.627	-	-	138.872.390.627
- Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long (3)	316.751.841.569	-	-	374.129.441.569
- Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Opera (4)	203.401.576.784	-	-	203.401.576.784
- Công ty TNHH Thăng Long Property (5)	108.901.688.268	-	-	108.901.688.268
- Công ty TNHH Pacific Thăng Long (6)	104.755.180.602	-	-	104.755.180.602
- Đầu tư vào đơn vị khác	9.036.018.967	-	-	9.036.018.967
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Đầu tư Thủ Đô (7)	7.163.418.237	-	-	7.163.418.237
- Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi (8)	1.872.600.730	-	-	1.872.600.730
Cộng	896.605.572.375	-	-	953.983.172.375

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường.

(1): Theo Hợp đồng liên doanh Công ty Liên doanh Đại Chân Trời tháng 10/1994, Giấy phép đầu tư số 1189/GP ngày 05/04/1995 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Công ty góp 588.000 USD chiếm 30% vốn điều lệ cùng với Công ty United Land & Trading Pte., Ltd (Singapore) nhằm xây dựng khu nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại tại 157 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 14.886.875.558 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

- (2) Theo Hợp đồng liên doanh với Công ty T.P.C Development Ltd (Hong Kong) ngày 09/02/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000080 chứng nhận lần đầu ngày 15/08/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 22/01/2009, Công ty góp 25% vốn điều lệ, trị giá 6.951.448 USD bằng quyền sử dụng 7.899 m² đất và 24.088 m² mặt nước Hồ Tây trong thời gian 40 năm kể từ 02/07/1991 trị giá 4.551.448 USD, chi phí đền bù và ghi nhận lợi thế địa điểm bằng 2.260.000 USD nhằm đầu tư, xây dựng khách sạn Intercontinental West Lake Hà Nội tại thôn Nghi Tam, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 138.872.390.627 VND.
- (3) Theo Hợp đồng liên doanh với Vindemia SAS ngày 19/11/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000197 chứng nhận lần đầu ngày 23/12/2008 và thay đổi lần 5 ngày 07/10/2014 do UBND thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 3.822.514 USD, chiếm 35% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng dự án Espace Big C Thăng Long. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 374.129.441.569 VND. Trong năm 2016, Công ty có nhận được khoản cổ tức năm 2015, với số tiền: 57.377.600.000 VND từ Big C Thăng Long nên ghi giảm giá trị khoản đầu tư này.
- (4) Theo Hợp đồng liên doanh với Công ty CP Phát triển TN ngày 30/11/2010; Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100112003 lần đầu ngày 21/03/2011, thay đổi lần 6 ngày 29/10/2013 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000148 chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 17/09/2008, Công ty góp 118.616.080.000 VND (tương đương 7.413.505 USD) chiếm 30% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng Khách sạn Hilton Hanoi Opera tại số 1 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 203.401.576.784 VND.
- (5) Theo Hợp đồng liên doanh Công ty TNHH Thăng Long Property ngày 13/10/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000132 chứng nhận lần đầu ngày 09/05/2008, thay đổi lần thứ tư ngày 26/07/2010 do UBND Thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 5.250.000 USD, chiếm 35% vốn điều lệ, cùng Vindemia Property Ltd đầu tư, xây dựng và kinh doanh một tổ hợp tòa nhà văn phòng khách sạn và dịch vụ phụ trợ tại góc phố Trần Duy Hưng và đường vành đai 3, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 108.901.688.268 VND.
- (6) Theo Hợp đồng liên doanh với Janakpur Limited ngày 14/07/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000108 cấp lần đầu ngày 31/12/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/06/2011, Công ty góp 4.930.000 USD, chiếm 29% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng khu phức hợp Giảng võ tại 15 -17 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 104.755.180.602 VND.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106715 được Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/09/2013 của Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ đô, Thăng Long GTC chiếm 9,56% vốn điều lệ, tương đương 2.913.330.000 VND. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 7.163.418.237 VND.
- (8) Thăng Long GTC chiếm 5,2% vốn điều lệ, tương đương 1.300.000.000 VND tại Công ty CP Hà Nội Tourist Taxi. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 1.872.600.730 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	31/12/2016		04/03/2016	
	a) Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Văn phòng công ty	34.506.634.605		64.719.076.183	
- Công ty TNHH Hòa Bình	23.563.731.680		56.986.984.740	
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	8.704.000.000		6.301.000.000	
- Các khoản khác	2.238.902.925		1.431.091.443	
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	668.487.232		1.027.858.711	
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	990.000.000		740.400.000	
Cộng	36.165.121.837		66.487.334.894	
b) Phải thu khách hàng dài hạn				
Văn phòng công ty	391.370.663		391.370.663	
- Cty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội	241.728.763		241.728.763	
- Phạm Thanh Thủy - Thuê nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149.641.900		149.641.900	
Cộng	391.370.663		391.370.663	
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	31/12/2016		04/03/2016	
Văn phòng Công ty	931.547.980		7.505.515.812	
- Công ty cổ phần tư vấn hạ tầng Miền Bắc	258.000.000		258.000.000	
- Công ty CP DV phòng cháy chữa cháy Sao Việt	316.804.041		-	
- Công ty CP Đầu tư và lắp đặt thiết bị công nghệ An Bình	164.938.610		-	
- CBH GRAIN PTY LTD	-		6.030.131.021	
- Các đối tượng khác	191.805.329		1.217.384.791	
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	2.035.000		-	
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	39.000.000		924.035.455	
Cộng	972.582.980		8.429.551.267	
5.5 PHẢI THU KHÁC	31/12/2016		04/03/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.306.745.798		572.335.140	
Tạm ứng	740.000.000	-	233.874.000	-
Phải thu khác	566.240.241	-	302.952.445	-
Văn phòng công ty	537.749.157		297.543.491	
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	28.491.084		3.984.228	
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	-		1.081.061	
Chi nhánh Hải Dương	-		343.665	
Phải trả, phải nộp khác (dư nợ)	505.557	-	35.508.695	-
b) Dài hạn	586.374.382		568.744.646	
Ký quỹ, ký cược	586.374.382	-	568.744.646	-
Văn phòng công ty	563.124.382		565.494.646	
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	23.250.000		3.250.000	
Cộng	1.893.120.180		1.141.079.786	
c) Phải thu khác là bên liên quan				
5.6 HÀNG TỒN KHO	31/12/2016		04/03/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	50.191.002	-	151.099.287	-
Hàng hóa	28.763.156	-	188.560.718	-
Cộng	78.954.158		339.660.005	

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

5.7 NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	04/03/2016	
- Các khoản phải thu							
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	8.704.000.000	4.352.000.000	(4.352.000.000)	6.301.000.000	6.301.000.000	-	-
- Cty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội	241.728.763	-	(241.728.763)	241.728.763	241.728.763	-	-
- Phạm Thanh Thủy - Thuế nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149.641.900	-	(149.641.900)	149.641.900	149.641.900	-	-
Cộng	9.095.370.663	4.352.000.000	(4.743.370.663)	6.692.370.663	6.692.370.663		

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN**5.8 TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	83.859.156.721	11.079.512.857	14.564.870.383	361.225.568	109.864.765.529
Tăng trong kỳ	-	1.956.336.344	1.095.198.029	34.600.000	3.086.134.373
- Mua trong kỳ		1.956.336.344		34.600.000	1.990.936.344
- Tặng khác			1.095.198.029		1.095.198.029
Giảm trong kỳ	13.059.662.309	253.500.000	-	-	13.313.162.309
- Chuyển sang BĐSĐT	12.562.763.149				12.562.763.149
- Thanh lý, nhượng bán		253.500.000			253.500.000
- Giảm khác	496.899.160				496.899.160
Số dư cuối năm	70.799.494.412	12.782.349.201	15.660.068.412	395.825.568	99.637.737.593
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.515.124.167	4.223.592.508	5.174.581.626	269.339.401	32.182.637.702
Tăng trong kỳ	2.997.856.851	1.174.383.957	1.775.242.480	61.763.941	6.009.247.229
- Số khấu hao trong kỳ	2.997.856.851	1.174.383.957	1.775.242.480	61.763.941	6.009.247.229
- Tặng khác					-
Giảm trong kỳ	4.912.594.410	158.108.337	-	-	5.070.702.747
- Thanh lý, nhượng bán		158.108.337			158.108.337
- Giảm khác	4.912.594.410				4.912.594.410
Số dư cuối năm	20.600.386.608	5.239.868.128	6.949.824.106	331.103.342	33.121.182.184
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	61.344.032.554	6.855.920.349	9.390.288.757	91.886.167	77.682.127.827
2. Tại ngày cuối năm	50.199.107.804	7.542.481.073	8.710.244.306	64.722.226	66.516.555.409

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

5.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phản mền kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	9.046.573.960			413.769.800	9.460.343.760
Tăng trong kỳ	-			144.000.000	144.000.000
- Mua trong kỳ				144.000.000	144.000.000
Giảm trong kỳ	9.046.573.960			-	
- Chuyển sang BĐSĐT	7.033.505.997				7.033.505.997
- Giảm khác	2.013.067.963				2.013.067.963
Số dư cuối năm	-			557.769.800	557.769.800
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ				137.923.266	137.923.266
Tăng trong kỳ				56.601.020	56.601.020
- Số khấu hao trong kỳ				56.601.020	56.601.020
Giảm trong kỳ				-	
Số dư cuối năm				194.524.286	194.524.286
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	9.046.573.960			275.846.534	9.322.420.494
2. Tại ngày cuối năm				363.245.514	363.245.514

5.10 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	04/03/2016	Khấu hao trong kỳ	Tăng trong kỳ	31/12/2016
1. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	69.479.232.144	-	19.596.269.146	89.075.501.290
2. Giá trị hao mòn lũy kế	14.232.246.107	2.672.706.820	4.415.695.250	21.320.648.177
- Nhà và quyền sử dụng đất	14.232.246.107	2.672.706.820	4.415.695.250	21.320.648.177
3. Giá trị còn lại bất động sản đầu tư				
- Nhà và quyền sử dụng đất	55.246.986.037	(2.672.706.820)	15.180.573.896	67.754.853.113

5.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	04/03/2016
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	566.608.260	905.641.310
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	291.414.923	539.294.298
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	275.193.337	366.347.012
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê đất 94 Lý Thường Kiệt	4.831.193.228	7.221.215.532
- Lợi thế kinh doanh	407.175.300	463.727.425
- Chi phí cải tạo khu nhà ở 15-17 Ngọc Khánh	541.274.833	749.457.461
- Chi phí cải tạo tòa nhà ở 115 Lê Duẩn	2.053.166.446	3.277.380.922
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	221.280.281	756.567.078
- Chi phí trả trước dài hạn khác	54.033.106	83.356.907
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.554.263.262	1.890.725.739
Cộng	5.397.801.488	8.126.856.842

5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	04/03/2016
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	118.084.536
Xây dựng cơ bản dở dang	45.387.963.542	43.104.679.919
+ Chung cư C4 Xuân Đình	45.091.254.954	42.838.186.991
+ M2 Huỳnh Thúc Kháng	296.708.588	266.492.928
Cộng	45.387.963.542	43.222.764.455

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

5.13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2016		04/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	27.506.666.931	27.506.666.931	14.163.026.172	14.163.026.172
Văn phòng Công ty	26.750.839.575	26.750.839.575	13.435.612.859	13.435.612.859
- Guangzhou Malting co.ltd	25.450.973.910	25.450.973.910	11.366.391.660	11.366.391.660
- Các đối tượng khác	1.299.865.665	1.299.865.665	2.069.221.199	2.069.221.199
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	690.673.764	690.673.764	694.343.063	694.343.063
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	65.153.592	65.153.592	33.070.250	33.070.250
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	6.591.200	6.591.200
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	-	-	6.591.200	6.591.200
Cộng	27.506.666.931	27.506.666.931	14.169.617.372	14.169.617.372
c) Phải trả người bán là bên liên quan				

5.14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN	31/12/2016	04/03/2016
Văn phòng Công ty	495.000	169.500.000
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	31.806.000	89.619.098
Cộng	32.301.000	259.119.098

5.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	4/3/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT phải nộp	186.323.472	10.449.848.709	10.528.172.913	107.999.268
- Thuế TNCN	22.046.392	208.799.351	46.850.679	183.995.064
- Thuế đất và tiền thuê đất	381.712.179	3.896.585.429	4.278.297.608	-
- Thuế BVMT và các loại thuế khác	2.667.007	34.885.244	37.332.010	220.241
Cộng	592.749.050	14.590.118.733	14.890.653.210	292.214.573
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế TNDN	507.022.725	-	-	507.022.725
Cộng	507.022.725	-	-	507.022.725

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	31/12/2016	04/03/2016
- Trích trước chi phí lãi vay	-	451.167.499
- Chi phí phải trả khác	49.500.000	124.000.000
Cộng	49.500.000	575.167.499

5.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN	31/12/2016	04/03/2016
a) Ngắn hạn	481.542.932	1.104.537.128
Văn phòng Công ty	457.906.569	1.081.809.855
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	23.636.363	22.727.273
b) Dài hạn	9.989.429.382	11.144.818.022
Văn phòng Công ty	9.989.429.382	11.144.818.022
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam - Cho thuê tài sản 94 Lý Thường Kiệt	9.989.429.382	11.144.818.022
Cộng	10.470.972.314	12.249.355.150

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

5.18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		04/03/2016		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	
a) Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (*)	-	-	28.443.515.256	70.734.806.946	42.291.291.690
b) Vay dài hạn					
Cộng	-	-	28.443.515.256	70.734.806.946	42.291.291.690

(*) là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/135194 ngày 24/08/2016. Hạn mức tín dụng là 110.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Các khoản giải ngân theo từng Giấy đề nghị giải ngân kiểm kê hợp đồng tín dụng cụ thể, với kỳ hạn 4 tháng và lãi suất 9%/năm. Tài sản bảo đảm là:
+ Tài sản trên đất tại 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 692358 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 13/10/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

5.19 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	04/03/2016
a) Ngắn hạn	47.202.475.420	769.201.541.219
- Kinh phí công đoàn	2.230.996	28.254.673
- Bảo hiểm y tế	-	1.434.753
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	457.169
- Phải trả về cổ phần hóa	2.813.940.006	716.239.422.465
- Phải trả, phải nộp khác	44.386.304.418	52.931.972.159
<i>Vấn phòng Công ty</i>	44.386.304.418	52.915.300.009
+ Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	40.970.788.011	49.667.528.960
+ Phải trả lãi cho nhà đầu tư mua cổ phần	2.810.222.550	2.810.222.550
+ Các khoản khác	605.293.857	437.548.499
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	-	16.672.150
b) Dài hạn	5.108.318.348	8.691.373.348
- Nhận ký quỹ, ký cược	3.513.018.348	7.127.923.348
- Khoản vay Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (70.000 USD) (*)	1.595.300.000	1.563.450.000
Cộng	52.310.793.768	777.892.914.567

c) Phải trả khác là bên liên quan

Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm 1.595.300.000 1.563.450.000

(*) Theo xác nhận công nợ phải trả Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm, Công ty Phát triển du lịch hữu hạn làng Nghi Tâm không đồng ý số dư công nợ trên và cho rằng, số tiền Công ty CP Thăng Long GTC phải trả là: 100.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được số dư công nợ. Tuy nhiên, nghĩa vụ phải trả với Công ty Nghi Tâm 70.000 USD đã được phê duyệt theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	1.228.000.000.000	21.887.650	-	1.228.021.887.650
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	(6.822.276.635)	(6.822.276.635)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.228.000.000.000	21.887.650	(6.822.276.635)	1.221.199.611.015

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2016	Tỷ lệ	04/03/2016
- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	45,19%	554.985.000.000	45,19%	554.985.000.000
- Công ty TNHH Thung Lũng Vua	27,02%	331.864.000.000	27%	331.560.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngân Anh	27,44%	336.968.000.000	0%	-
- Dương Thị Thu Thủy	0%	-	8,78%	107.784.500.000
- Nguyễn Thị Phượng	0%	-	9,13%	112.153.620.000
- Vũ Thị Ngọc Quỳnh	0%	-	9,53%	117.029.880.000
- Các đối tượng khác	0,34%	4.183.000.000	0,37%	4.487.000.000
Cộng	100%	1.228.000.000.000	100%	1.228.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	1.228.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối năm	1.228.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016
6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.717.126.827	219.047.486
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	100.935.765	108.456.381
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.429.836	11.700
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	136.686.192	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.999.165.105	406.333.510
Cộng	8.958.343.725	733.849.077
6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	959.945.301	521.004.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	922.281	115.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	31.144.420
Cộng	960.867.582	552.264.193
6.5 THU NHẬP KHÁC		
Thu từ thanh lý tài sản	73.227.272	-
Thu nhập khác	2.073.671	97.633.375
Cộng	75.300.943	97.633.375
6.6 CHI PHÍ KHÁC		
Chi phí thanh lý tài sản	95.391.663	-
Chi phí khác	226.270.048	68.509.857
Cộng	321.661.711	68.509.857
6.7 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	11.676.261.830	1.792.989.138
- Chi phí nhân công	2.409.248.417	440.654.813
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.307.272	44.015.284
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.743.370.663	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.181.333.483	216.716.794
- Chi phí khác bằng tiền	2.393.001.995	1.091.602.247
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	21.583.178.075	5.159.302.104
- Chi phí nhân công	6.870.898.426	2.131.421.720
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.749.912.494	420.291.172
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.547.753.431	733.049.510
- Chi phí bằng tiền khác	8.414.613.724	1.874.539.702
Cộng	33.259.439.905	6.952.291.242

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

6.8 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.822.276.635)	(1.971.865.676)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	416.270.663	40.747.316
+ Chi phí thuế đầu vào chưa kê khai không được trừ	24.900.000	-
+ Chi phí dự phòng phải thu không được trừ	391.370.663	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	112.764.668	23.011.700
+ Các khoản đánh giá lại tài sản có gốc ngoại tệ	112.764.668	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(6.518.770.640)	(1.954.130.060)
Tổng thu nhập tính thuế	(6.518.770.640)	(1.954.130.060)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016
Chi phí nhân công	11.827.003.006	2.572.076.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.738.555.069	464.306.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.038.212.394	2.371.436.254
Chi phí bằng tiền khác	25.089.421.183	3.755.693.859
Cộng	72.693.191.652	9.163.513.102

6.10 THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016 là kỳ báo cáo đầu tiên khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần nên số liệu ở cột "Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016" không có khả năng so sánh được với số liệu ở cột "Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**7.1 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là: khoản cổ tức nhận được từ Big C Thăng Long: 57.377.600.000 VND. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư vào Big C Thăng Long được đánh giá lại là 374.129.441.569 VND. Trong năm 2016, Công ty có nhận được khoản cổ tức năm 2015, với số tiền: 57.377.600.000 VND từ Big C Thăng Long nên ghi giảm giá trị khoản đầu tư này.

7.2 THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016 là kỳ báo cáo đầu tiên khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần nên số liệu ở cột "Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 03/03/2016" không có khả năng so sánh được với số liệu ở cột "Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

8 Những thông tin khác

8.1 Công cụ tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1 Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Ngày 31/12/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.706.540.155		197.706.540.155
Phải thu khách hàng	36.165.121.837	391.370.663	36.556.492.500
Đầu tư	-	896.605.572.375	896.605.572.375
Phải thu khác	1.306.745.798	586.374.382	1.893.120.180
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.352.000.000)	(391.370.663)	(4.743.370.663)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	230.826.407.790	897.191.946.757	1.128.018.354.547
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	27.506.666.931	-	27.506.666.931
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	47.251.975.420	5.108.318.348	52.360.293.768
Tổng cộng	74.758.642.351	5.108.318.348	79.866.960.699
Chênh lệch thanh khoản thuần	156.067.765.439	892.083.628.409	1.048.151.393.848
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 04/03/2016			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	845.880.238.769		845.880.238.769
Phải thu khách hàng	66.487.334.894	391.370.663	66.878.705.557
Đầu tư	9.000.000.000	953.983.172.375	962.983.172.375
Phải thu khác	572.335.140	568.744.646	1.141.079.786
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	921.939.908.803	954.943.287.684	1.876.883.196.487
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	42.291.291.690	-	42.291.291.690
Phải trả người bán	14.163.026.172	6.591.200	14.169.617.372
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	769.776.708.718	8.691.373.348	778.468.082.066
Tổng cộng	826.231.026.580	8.697.964.548	834.928.991.128
Chênh lệch thanh khoản thuần	95.708.882.223	946.245.323.136	1.041.954.205.359

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2016	04/03/2016	31/12/2016	04/03/2016	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000	
Các khoản cho vay và phải thu					
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	38.449.612.680	68.019.785.343	38.449.612.680	68.019.785.343	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	197.706.540.155	845.880.238.769	197.706.540.155	845.880.238.769	
Tổng cộng	236.156.152.835	922.900.024.112	236.156.152.835	922.900.024.112	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ					
<i>Phải trả người bán</i>	27.506.666.931	14.169.617.372	27.506.666.931	14.169.617.372	
<i>Phải trả khác</i>	52.310.793.768	777.892.914.567	52.310.793.768	777.892.914.567	
Tổng cộng	79.817.460.699	834.353.823.629	79.817.460.699	834.353.823.629	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 04/03/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

8.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

Năm nay	Bán hàng hóa, thành phẩm	Kinh doanh lữ hành và du lịch	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần từ cung cấp hàng hóa và dịch vụ	96.981.642.351	27.667.290.579	26.044.338.654	150.693.271.584
Giá vốn hàng bán	93.236.300.055	26.245.767.546	12.525.156.088	132.007.223.689
Lợi nhuận gộp	3.745.342.296	1.421.523.033	13.519.182.566	18.686.047.895
31/12/2016				
Tài sản trực tiếp của bộ phận		242.142.000	15.064.952.550	38.914.775.436
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.276.089.026.266
Tổng tài sản				1.315.003.801.702
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.571.095.950	167.000	5.326.090.638	30.897.353.588
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				62.906.837.099
Tổng nợ phải trả				93.804.190.687

8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

8.3 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Công ty Liên doanh Đại Chân Trời
 Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tàm
 Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long
 Công ty TNHH Pacific Thăng Long

Mối quan hệ

Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan:

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016 bao gồm:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long	Trả tiền thuê quầy	33.479.032
	Cung cấp dịch vụ tư vấn	2.995.850.000
	Nhận tiền cung cấp dịch vụ tư vấn	2.995.850.000
	Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	57.377.600.000
Công ty Liên doanh Đại Chân Trời	Thu tiền thuê đất, thuế đất	26.715.500
	Nộp hộ tiền thuê đất, thuế đất	26.115.740
Công ty TNHH Pacific Thăng Long	Thu tiền thuê đất, thuế đất	1.051.885.018
	Nộp hộ tiền thuê đất, thuế đất	1.051.885.018

b) Lương và Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016	VND
Ông Tạ Minh Hùng	Tổng giám đốc		277.854.545
Ông Nguyễn Thái Dũng	Phó Tổng giám đốc		236.690.909
Ông Đỗ Văn Bình	Phó Tổng giám đốc		236.690.909
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng		224.200.000
Bà Trần Thị Ngân	Trưởng ban kiểm soát		98.690.909
Tổng cộng			1.074.127.273

8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2016 đến 03/03/2016 của Công ty TNHH MTV Thăng Long GTC đã được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT kiểm toán và được Công ty điều chỉnh lại theo Quyết định số 555/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội ngày 03/02/2017 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Thăng Long GTC thuộc TCT Du lịch Hà Nội thành Công ty CP Thăng Long GTC.

Các chỉ tiêu thay đổi do điều chỉnh lại theo Quyết định số 555/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội ngày 03/02/2017 như sau:

*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Số liệu tại ngày 03/03/2016 theo Báo cáo kiểm toán của COM.PT	Số điều chỉnh lại theo Quyết định số 555/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội	Chênh lệch
A. Tài sản ngắn hạn	100	935.213.493.153	932.125.761.903	3.087.731.250
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	78.576.952.551	75.489.221.301	3.087.731.250
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	136	3.660.066.390	572.335.140	3.087.731.250
B. Tài sản dài hạn	200	1.108.083.891.514	1.147.638.802.029	(39.554.910.515)
II. Tài sản cố định	220	86.949.303.932	87.004.548.321	(55.244.389)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221	77.626.883.438	77.682.127.827	(55.244.389)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	914.483.506.249	953.983.172.375	(39.499.666.126)
TỔNG TÀI SẢN	270	2.043.297.384.667	2.079.764.563.932	(36.467.179.265)

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Giai đoạn từ 04/03/2016 đến 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu tại ngày 03/03/2016 theo Báo cáo kiểm toán của COM.PT	Số điều chỉnh lại theo Quyết định số 555/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội	Chênh lệch
C. Nợ phải trả	300	815.839.934.947	851.742.676.282	(35.902.741.335)
I. Nợ ngắn hạn	310	795.915.761.229	831.899.893.712	(35.984.132.483)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	499.184.921	592.749.050	(93.564.129)
Phải trả ngắn hạn khác	319	733.113.581.074	769.201.541.219	(36.087.960.145)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.067.694.743	2.870.302.952	197.391.791
II. Nợ dài hạn	330	19.924.173.718	19.842.782.570	81.391.148
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	11.226.209.170	11.144.818.022	81.391.148
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.227.457.449.720	1.228.021.887.650	(564.437.930)
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.227.457.449.720	1.228.021.887.650	(564.437.930)
TỔNG NGUỒN VỐN	440	2.043.297.384.667	2.079.764.563.932	(36.467.179.265)

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.6 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Thị Bích Ngọc

Dương Thị Lam

Tạ Minh Hùng